

Bản án số: 09/2025/HNGĐ-ST

Ngày 31 - 3 - 2025

V/v “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN THANH KHÊ - THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Thu Ba

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Thảo và ông Lê Hà

- Thư ký phiên tòa: Ông Đoàn Công Hồng Lĩnh - Thư ký Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Võ Thị Trúc Lâm - Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2024 về việc “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 343/2025/TLST-HNGĐ ngày 18/02/2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 343/2025/QĐST-HNGĐ ngày 12/3/2025 giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Thu S – Sinh năm: 1996 - Địa chỉ thường trú: 340/7 Nguyễn Phước Nguyên, phường An Khê, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Có mặt

* *Bị đơn:* Ông Mai Đăng N - Sinh năm: 1995 - Địa chỉ: 215/58 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê Đông (tổ 27 Hòa Khê) quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Theo Đơn khởi kiện, Bản tự khai, quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S trình bày:**

* Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Mai Đăng N có đăng ký kết tại UBND phường Thanh Khê Đông (Hòa Khê), quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 04/10/2017. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà bà mẹ bà S. Vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường xuyên cãi vã về tài chính, hiện nay vợ chồng đã sống ly thân, trong thời gian ly thân vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, phần ai người đó sống, việc ai người đó làm. Nay bà thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà đề nghị Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông N càng sớm càng tốt.

* Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định vợ chồng có 01 con chung tên Mai Nguyên Linh N – Sinh ngày: 05/03/2018, ly hôn bà S có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung cho đến tuổi thành niên, không yêu cầu ông Mai Đăng N phải cấp dưỡng nuôi con

* Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định bà và ông Mai Đăng N không có tài sản chung.

* Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định bà và ông Mai Đăng N không có nợ chung.

Trong quá trình tiến hành giải quyết vụ án Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Mai Đăng N nhưng ông Mai Đăng N không có văn bản phản hồi và đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tại phiên tòa lần 2 ông Mai Đăng N vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng phát biểu:

* Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã thụ lý vụ án, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của đương sự, xác minh, thu thập chứng cứ đúng quy định của pháp luật.

* Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 56, Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình đề nghị HĐXX chấp nhận cho nguyên đơn được ly hôn với bị đơn; giao con chung tên Mai Nguyên Linh N – Sinh ngày: 05/03/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông N không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung bà Nguyễn Thị Thu S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

A. Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S khởi kiện “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” đối với bị đơn là ông Mai Đăng N – Sinh năm: 1995 - Địa chỉ: 215/58 Hà Huy Tập, phường Thanh Khê Đông (tổ 27 Hòa Khê) quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng nên vụ án dân sự thụ lý số 343/2024/TLST-HNGĐ ngày 04/10/2024 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Thanh Khê theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý và thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho ông Mai Đăng N nhưng ông Mai Đăng N đều vắng mặt không có lý do theo thông báo của Tòa án, nên Tòa án không thể tiến hành hòa giải cho các bên đương sự được.

Tòa án nhân dân quận Thanh Khê đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập, quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa cho Mai Đăng N nhưng ông N vắng mặt không có lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông Mai Đăng N.

B. Về nội dung vụ án: Xét yêu cầu ly hôn, tranh chấp về việc nuôi con chung của bà Nguyễn Thị Thu S đối với ông Mai Đăng N HĐXX thấy:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Thu S và ông Mai Đăng N có đăng ký kết tại UBND phường Thanh Khê Đông, quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng vào ngày 04/10/2017 hôn nhân trên cơ sở tự nguyện. Do vậy đây là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi đăng ký kết hôn vợ chồng sống tại nhà ba mẹ bà S đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng không hợp về quan điểm sống thường xuyên cãi vã, vợ chồng đã sống ly thân, không quan tâm nhau, việc ai người đó làm, thực tế đời sống hôn nhân không tồn tại.

Tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: “...Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Vợ chồng có nghĩa vụ sống

chung với nhau...”. Theo đó, việc sống chung với nhau vừa là quyền, cũng là nghĩa vụ giữa vợ chồng, hiện nay bà S và ông N không còn chung sống cùng nhau, trong quá trình hòa giải tại Tòa án ông N thường xuyên vắng mặt không có lý do chứng tỏ ông N không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng, Do đó, xét yêu cầu của bà Nguyễn Thị Thu S xin được ly hôn với ông Mai Đăng N là chính đáng và có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thu S đề nghị giao con chung tên Mai Nguyên Linh N – Sinh ngày: 05/03/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông Mai Đăng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

HĐXX thấy việc giao con cho ai nuôi dưỡng phải căn cứ vào điều kiện của mỗi bên cũng như xem xét tới quyền lợi mọi mặt của con chung. Do vậy, HĐXX xét thấy việc giao con chung tên Mai Nguyên Linh N – Sinh ngày: 05/03/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cho đến khi con chung đủ tuổi thành niên. ông N không cấp dưỡng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định bà và ông Mai Đăng N không có tài sản chung nên HĐXX không đề cập giải quyết.

[4] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định bà và ông Mai Đăng N không có nợ chung không đề cập đến.

[5] Xét lời đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ phù hợp với nhận định của HĐXX nên cần chấp nhận.

[6] Về án phí: Theo quy định tại Điều 147, Điều 157 và Điều 165 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 thì nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu án phí HNGĐ-ST.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Nguyễn Thị Thu S được ly hôn với ông Mai Đăng N.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung tên Mai Nguyên Linh N – Sinh ngày: 05/03/2018 cho bà Nguyễn Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con cho đến khi con chung cho đủ tuổi thành niên, ông Mai Đăng N không phải cấp dưỡng nuôi con.

Các bên vẫn có đầy đủ quyền và nghĩa vụ đối với con chung theo quy định của pháp luật.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thu S xác định bà và ông Mai Đăng N không có.

4. Án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm bà Nguyễn Thị Thu S phải chịu là 300.000đ nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai thu số 0001495 ngày 03/10/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Thanh Khê, thành phố Đà Nẵng.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử sơ thẩm, công khai, nguyên đơn có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết trích sao bản án.

Nơi nhận:

- Người tham gia tố tụng;
- VKSND quận Thanh Khê;
- Chi cục THADS quận Thanh Khê;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Thu Ba

